

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày: 23-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Duy T, sinh năm 1986, tại Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú tại: Thôn 1, xã Mi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị Hồng T1, sinh năm 1967; em Phạm Duy T2, sinh năm 1992; vợ Lê Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1989 (đã ly hôn); tiền sự; tiền án: không; nhân thân: Bị Công an quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về tội sử dụng trái phép chất ma túy ngày 12/6/2017. Ngày 16/8/2017, Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 226/2017/QĐ-TA về việc đình chỉ xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính; Ngày 30/11/2017, bị Tòa án nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 566/QĐ-TA ngày 30/11/2017 thời gian chấp hành bắt buộc 15 tháng; Ngày 18/8/2008 bị Tòa án nhân dân quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội cắp giạt tài sản theo Bản án số 128/2008/HSST ngày 18/8/2008, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2010. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 06/10/2020, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Duy T2, sinh năm 1992, tại Lâm Đồng; hộ khẩu thường trú tại: Thôn 1, xã Mi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Đ1, sinh năm 1960 và bà Đoàn Thị Hồng T1, sinh năm 1967; Anh Phạm Duy T, sinh năm 1986; tiền sự; tiền án: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 06/10/2020, bị cáo có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Dương Thị T3, sinh năm 1978; hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã S1, huyện T4, tỉnh Phú Yên.

2. Ông Lê Quốc H4, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: ấp 2, xã H, huyện T5, tỉnh Long An.

3. Ông Võ Đình B, sinh năm 1954; hộ khẩu thường trú: ấp B1, xã T6, huyện D, tỉnh Bình Dương.

4. Ông Trần Đại N, sinh năm 1963; hộ khẩu thường trú: ấp MT, xã HT, huyện T7, tỉnh Phú Yên.

5. Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: ấp B4, xã P, huyện D6, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trương Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T8, huyện T9, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Anh T10, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 6, xã Mi, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà T3, ông H4, ông B, ông N, bà H7, ông S, ông T10 có đơn yêu cầu xét xử vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Kết luận điều tra và Cáo trạng truy tố thì: Phạm Duy T, Phạm Duy T2 là anh em ruột. Để có tiền tiêu xài, Phạm Duy T cắt dán các tờ vé số đài xổ số kiến thiết tỉnh Bình Dương thành số trúng thưởng rồi rủ Phạm Duy T2 đi đổi cho những người bán vé số dạo, cụ thể như sau:

Trong quá trình chạy xe ôm, Phạm Duy T quen với người đàn ông tên Nguyễn Văn T11 (không rõ nhân thân, lai lịch), T11 chỉ T nhặt các tờ vé số xổ rồi nhưng không trúng, cắt dán thành tờ vé số trúng để đem đi đổi. Từ ngày 02/10/2020 đến 05/10/2020, T nhặt các tờ vé số đài xổ số kiến thiết tỉnh Bình Dương mở thưởng ngày 02/10/2020, đem về phòng trọ, T mua quyển tập học sinh, hồ dán, lưỡi lam, dùng lưỡi lam cạo số không trúng, cắt số của những tờ khác dán vào thành số trúng giải hai số, bốn số (giải tám, giải tư) rồi phơi khô.

Ngày 05/10/2020, T gọi điện thoại cho T2 rủ đi đổi vé số giả, T2 đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 62Y6-3762, T2 điều khiển xe mô tô biển số 49L1-01801, trước khi đi, T đưa cho T2 162 tờ vé số giả trúng thưởng, T giữ 94 tờ vé số giả trúng thưởng, khi gặp người bán vé số dạo, T đổi lấy tiền và mua lại vé số, tiền T giữ để khi nào về thì chia nhau tiêu xài còn vé số mới mua thì T đưa cho T2 giữ, khi đổi hết vé số thì T lấy vé số của T2 để tiếp tục đổi, mục đích T giữ ít vé số, nếu bị Công an bắt thì sẽ thu giữ được ít vé số, T và T2 đi theo tuyến đường từ thành phố Hồ Chí Minh đến huyện Dầu Tiếng. Ngày 05/10/2020, khi T, T2 đi đến khu vực BS thuộc xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, T gặp và đổi cho bà Dương Thị T3, sinh năm 1978, ngụ tại Thôn S, xã S1, huyện T4, tỉnh Phú Yên 03 tờ “vé số giả trúng thưởng” đài Bình Dương ngày 02/10/2020, giải 400.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai nghìn đồng) (T lấy 700.000 đồng và 50 tờ vé số). T, T2 tiếp tục đi thì gặp và đổi cho ông Lê Quốc H4, sinh năm 1989; ngụ tại ấp 2, xã H, huyện T5, tỉnh Long An 07 tờ “vé số giả trúng thưởng” đài Bình Dương ngày 02/10/2020, giải 400.000 đồng chiếm đoạt số tiền 2.800.000 đồng (hai triệu tám trăm nghìn đồng) (T lấy 2.300.000 đồng và 50 tờ vé số). Đêm ngày 05/10/2020, T và T2 ngủ ở quán cà phê vòng ven đường (không nhớ địa chỉ). Đến ngày 06/10/2020, T, T2 tiếp tục đi đến ấp Lâm Vồ, xã T Tuyên, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, T gặp ông Võ Đình Bông, sinh năm 1954, ngụ ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, đổi 18 tờ “vé số giả trúng thưởng” đài Bình Dương ngày 02/10/2020, giải 100.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) (T lấy 1.400.000 đồng và 40 tờ vé số). Sau khi nhận 18 tờ vé số từ T, do ông B không biết vé số trúng thưởng là cắt ghép nên đã đổi 04 tờ cho một người bán vé số dạo (không thu hồi được). T, T2 tiếp tục đi, khi đến ấp Bến Chùa, xã T An, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, T và T2 gặp Ông Trần Văn N, sinh năm 1963, ngụ ấp MT, xã HP, huyện TH, tỉnh Phú Yên, T đổi 20 tờ vé số giả trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, giải 100.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) (lấy 1.600.000đ và 40 tờ vé số), T2 tiếp tục đổi 2 tờ vé số giả trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, giải 400.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 800.000 đồng (lấy 410.000đ và 39 tờ vé số). T, T2 tiếp tục đi, khi đến khu phố 5, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thì T, T2 gặp bà Bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1968, ngụ ấp B4, xã P, huyện D6, tỉnh Tây Ninh, T đổi 21 tờ vé số giả trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, giải 100.000 đồng, chiếm đoạt số tiền Việt Nam đồng là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng) (lấy 1.600.000 đồng và 50 tờ vé số). T, T2 đi đến xã Đ thì bị bắt, thu giữ của Phạm Duy T: Tiền Việt Nam đồng: 19.000.000 đồng; 01 (Một) tờ tiền USD mệnh giá 01 USD; 01 (Một) tờ tiền USD mệnh giá 02 USD; 24 tờ vé số kiến thiết tỉnh Bình Dương ngày 02/10/2020; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe và giấy đăng ký xe mang tên Trương Văn S; 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Duy T; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Duy T; 01 tờ giấy có chữ đại lý vé số Phương Trang; 01 (Một) điện thoại di động Nokia, màu đen, ký hiệu CE 0168; 01 (Một) điện thoại di động Iphone, Model A1429 FCC ID BCG-E2599A, màu trắng; 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển số 62Y6-3762, số khung

110AY-190371, số máy 5P11-190373; 01 (Một) đồng hồ TUNGSIEN; 01 (Một) nhẫn đầu rồng, màu vàng.

Thu của Phạm Duy T2: Tiền Việt Nam đồng: 15.818.000 đồng; 160 tờ vé số kiến thiết tỉnh Bình Dương ngày 02/10/2020; 01 giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân tên Phạm Duy T2; 01 giấy đăng ký xe và chứng nhận bảo hiểm tên Lê Anh T10; 01 (Một) điện thoại di động Samsung, màu đen; 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nuovo, biển số 49L1-01801, số khung B10CY033911, số máy 1DB1-033907. Thu trên xe của Phạm Duy T2 gồm: 01 bịch nilon chứa: 01 (Một) chai keo dán (đã sử dụng); 01 (Một) hộp dao lam đã sử dụng, có 07 (Bảy) lưỡi dao lam; 201 (Hai trăm lẻ một) tờ vé số phát hành ngày 06/10/2020.

Lê Quốc H4 giao nộp: 07 tờ vé số đài xổ số kiến thiết tỉnh Bình Dương mở ngày 02/10/2020; bà Dương Thị T3 nộp 03 tờ vé số; ông Võ Đình B nộp 14 tờ vé số; ông Trần Văn N nộp 22 tờ vé số đài xổ số kiến thiết tỉnh Bình Dương mở ngày 02/10/2020; bà Nguyễn Thị H7 nộp 21 tờ vé số đài xổ số kiến thiết tỉnh Bình Dương mở ngày 02/10/2020.

Kết luận giám định số 459/GĐ-PC09 ngày 25/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 251 tờ vé số mệnh giá 10.000đ, cùng loại 10KS40, mở ngày 02/10/2020, có kích thước (12,0x6,0)cm, đề “Xổ số kiến thiết Bình Dương” bị cắt ghép.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: Các bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2 khai nhận thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo. Do không có tiền tiêu xài bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2 thực hiện 05 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã T Tuyền, xã T An, thị trấn Dầu Tiếng thuộc huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 10.700.000 đồng. Các bị cáo không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời khai của những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thống nhất với nội dung của bản cáo trạng cũng như lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 13/CT- VKSDT- HS ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy T từ 12 (mười hai) tháng tù đến 14 (mười bốn) tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Duy T2 từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2 đã bồi thường cho các bị hại bà Dương Thị T3 1.200.000 đồng; ông Lê Quốc H4 2.800.000 đồng; ông Võ Đình B 1.800.000 đồng; ông Trần Văn N 2.800.000 đồng; bà Nguyễn Thị H7 2.100.000 đồng. Bà T3, ông H4, ông B, ông N, bà H7 không yêu cầu gì thêm. Đồng thời bà H7, bà T3, ông N có đơn xin bãi nại cho hai bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn S, ông Lê Anh T10 không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nuovo, biển số 49L1-01801, số khung B10CY033911, số máy 1DB1-033907 do Lê Anh T10, sinh năm 1986, ngụ tại thôn 6, xã Madaguôi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng đứng tên chủ sở hữu, ông T10 bán cho K Thức, sinh năm 1996, ngụ tại thôn 6, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (không làm thủ tục sang tên), K Thức bán xe cho Phạm Duy T2, T2 dùng xe này làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nouvo, biển số 62Y6-3762, số khung 110AY-190371, số máy 5P11-190373 do Trương Văn S, sinh năm 1964, ngụ tại Khu phố 2, thị trấn T8, huyện T9, tỉnh Long An đứng tên chủ sở hữu, ông S bán lại cho Phạm Duy T, không làm thủ tục sang tên, T dùng xe này làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với Tiền Việt Nam đồng: 19.000.000 đồng; 01 giấy phép lái xe tên Phạm Duy T; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Duy T; 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu đen, ký hiệu CE 0168; 01 (một) điện thoại di động Iphone, Model A1429 FCC ID BCG-E2599A, màu trắng; 01 (một) đồng hồ TUNGSIEN; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe tên Trương Văn S; 01 nhẫn đầu rồng màu vàng (T xác nhận là giả) thu của Phạm Duy T là tài sản, giấy tờ cá nhân của Phạm Duy T. Cần trả lại cho T.

Đối với Tiền Việt Nam đồng: 15.818.000 đồng; 01 giấy phép lái xe và chứng minh nhân dân tên Phạm Duy T2; 01 (một) điện thoại di động Samsung, màu đen; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mang tên Lê Anh T10 thu của Phạm Duy T2 là tài sản, giấy tờ cá nhân của Phạm Duy T2. Cần trả lại cho T2.

Đối với 01 tờ giấy có chữ đại lý vé số Phương Trang không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 251 tờ vé số kiến thiết tỉnh Bình Dương ngày 02/10/2020 cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với giấy đăng ký xe tên Trương Văn S cần giao trả cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An.

Đối với 01 giấy đăng ký xe Lê Anh T10 cần giao trả cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng.

Đối với 201 tờ vé số xổ ngày 06/10/2020, kết quả không trúng, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với: 01 bịch nilon chứa: 01 (một) chai keo dán (đã sử dụng); 01 (một) hộp dao lam đã sử dụng, có 07 (bảy) lưỡi dao lam là công cụ phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 quyển tập học sinh, T đã vứt bỏ không thu hồi được.

Đối với 02 tờ tiền USD đã trả cho gia đình Phạm Duy T.

Lời nói sau cùng các bị cáo: Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Các bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 02/10/2020 đến ngày 06/10/2020, bị cáo T nhặt các vé số không trúng thưởng cắt dán thành vé số trúng thưởng rồi phơi khô. Bị cáo T điện thoại cho bị cáo T2 rủ đi đổi vé số giả, bị cáo T2 đồng ý. Bị cáo T đưa cho bị cáo T2 162 tờ vé số giả đã trúng thưởng, bị cáo T giữ lại 94 tờ vé số giả đã trúng thưởng. Bị cáo T đòi lấy tiền và mua lại vé số, Tiền bị cáo T giữ, vé số đổi thì đưa cho bị cáo T2 giữ để về nhà chia đôi. Bị cáo T, bị cáo T2 đổi những vé số giả không trúng thưởng cho các bị hại gồm: Bà Dương Thị T3 03 tờ vé số trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, ông Lê Quốc H4 07 tờ vé số trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, ông Võ Đình B 18 tờ vé số trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, ông Trần Văn N 20 tờ vé số trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020, sau đó bị cáo T2 đổi 02 tờ vé số trúng thưởng đài Bình Dương ngày 02/10/2020 cho ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị H7 21 tờ vé số trúng thưởng đài Bình Dương

ngày 02/10/2020. Bị cáo T, bị cáo T2 đi đến xã Đ4 thì bị bắt. Tài sản bị cáo T, bị cáo T2 chiếm đoạt trị giá 10.700.000 đồng (mười triệu bảy trăm ngàn đồng).

Như vậy, bản Cáo trạng số 13/CT- VKSDT- HS ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các Bị cáo hoàn toàn có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, mức độ lỗi, nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị là tài sản như trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ pháp luật sở hữu được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của các bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, gây mất trật tự tại địa phương. Bản thân các bị cáo biết hành vi trên là có vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên, theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Phạm Duy T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại, các bị hại bà H7, bà T3, ông N có đơn xin bãi nại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, h khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Duy T2 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo đã bồi thường cho các bị hại, các bị hại bà H7, bà T3, ông N có đơn xin bãi nại là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, i, h khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân bị cáo Phạm Duy T: Bị Công an quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ về tội sử dụng trái phép chất ma túy ngày 12/6/2017. Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định số 226/2017/QĐ-TA ngày 16/8/2017 về việc đình chỉ xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Tòa án nhân dân quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 566/QĐ-TA ngày 30/11/2017 thời gian chấp hành bắt buộc 15 tháng. Tòa án nhân dân quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội cắp giật tài sản theo Bản án số 128/2008/HSST ngày 18/8/2008, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2010. Như vậy bị cáo là người có nhân thân xấu.

Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân nhằm thể hiện sự nghiêm minh cũng như khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để các bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và gia đình, cũng như răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về vấn đề trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2 đã bồi thường cho các bị hại. Các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S, ông T10 không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Tất cả những đề nghị về việc xử lý vật chứng của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

[6] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Duy T, Phạm Duy T2 phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 10 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, i, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Duy T2 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 10 năm 2020

2. Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Nuovo, biển số 49L1-01801, số khung B10CY033911, số máy 1DB1-033907.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô biển số 62Y6-3762, số máy 5P11-190373, số khung 110AY-190371, hiệu Yamaha, loại Nouvo.

- Trả cho bị cáo Phạm Duy T số tiền Việt Nam 19.000.000 đồng; 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Duy T số AY378678; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Duy T; 01 (một) điện thoại di động Nokia, màu đen, ký hiệu CE 0168; 01 (một) điện thoại di động Iphone, Model A1429 FCC ID BCG-E2599A, màu trắng; 01 (một) đồng hồ TUNGSIEN; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe mô tô mang tên Trương Văn S; 01 nhãn hình đầu rồng màu vàng.

- Trả cho bị cáo Phạm Duy T2 số tiền Việt Nam 15.818.000 đồng; 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Phạm Duy T2; 01 chứng minh nhân dân số 250841107 mang tên Phạm Duy T2; 01 (một) điện thoại di động Samsung, màu đen; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe mô tô mang tên Lê Anh T10.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu đen; 01 (một) chai keo dán (đã sử dụng); 01 (một) hộp dao lam đã sử dụng, có 07 (bảy) lưỡi dao lam.

- Giao 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 62Y6-3762 mang tên Trương Văn S cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Long An bảo quản và xử lý theo quy định.

- Giao 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 49L1-01801 mang tên Lê Anh T10 cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lâm Đồng bảo quản và xử lý theo quy định.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/02/2021 và biên lai thu số AA/2016/0001379 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Duy T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phạm Duy T2 phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. Dầu Tiếng;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Sơn